TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/DS-ST
Ngày: 08-8-2023
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu
Bà Trần Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-DS ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2023/QĐST-DS ngày 28/7/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số 225 đường O, phường h, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Hồ Nhật P - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng (theo Quyết định số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S và Giấy ủy quyền số 13/2023/UQ-PGDCC ngày 20/4/2023 của Trưởng phòng giao dịch chợ Cồn Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại Đà Nẵng) (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1988. Địa chỉ: K54/26 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt, không có lý do lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng S), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Hồ Nhật P trình bày*:

Ngày 15/10/2016, bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng*). Căn cứ vào thu nhập của bà Nguyễn Thị H , Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là

15.000.000 đồng với mục đích: Tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện 12 giao dịch với tổng số tiền 166.040.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ngày 24/10/2016 đến ngày 30/11/2019 thì bà H thanh toán cho Ngân hàng số tiền 168.511.000 đồng, trong đó: Phí trễ hạn: 1.680.000 đồng, lãi: 7.386.669 đồng, phí vượt hạn mức: 350.000 đồng, phí khác: 349.000 đồng, gốc: 158.745.331 đồng (Theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 20 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến ngày 01/3/2020, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và cũng tạo điều kiện về thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn không thực hiện, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng S đã khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 14.375.452 đồng; trong đó: tiền gốc: 8.767.620 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.738.555, nợ lãi quá hạn: 1.869.277 đồng (tính đến ngày 08/8/2023) và bà H phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 09/8/2023 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H: Mặc dù bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023 thì nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2016 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: K54/26 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2016; Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 15/10/2016, giữa bà H và Ngân hàng S có ký kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền 15.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[4.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc bà H thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 14.375.452 đồng; trong đó: tiền gốc: 8.767.620 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.738.555, nợ lãi quá hạn: 1.869.277 đồng (tính đến ngày 08/8/2023) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 09/8/2023 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng như nêu trên thì bà H đã sử dụng khoản tiền vay và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, đốc thúc yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn không thanh toán. Như vậy, bà H đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà H là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2016; Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 14.375.452 = 718.773 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 13, 14, 15 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền 14.375.452 đồng; trong đó: tiền gốc: 8.767.620 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.738.555, nợ lãi quá hạn: 1.869.277 đồng (tính đến ngày 08/8/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 718.773 đồng (Bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 535.485 đồng (Năm trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0000610 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền